

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH THỦY SẢN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN Mã số học phần: 350078

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH

Tên Tiếng Anh: English for Aquaculture

Đơn vị phụ trách:

- Bộ môn: Thủy sản
- Khoa: Nông nghiệp Thủy sản

Số tín chỉ: 2 tín chỉ (1 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 12 tuần (lý thuyết và thực hành xen kẽ)

Học kỳ: 5 (học kỳ I năm thứ 3)

Các giảng viên phụ trách học phần:

- *GV phụ trách chính:* Phạm Kim Long (SDT: 0827.070666. Email: kimlong_phm@tvu.edu.vn)
- *Danh sách giảng viên cùng GD:* Trần Thị Hồng Tơ

○ **Điều kiện tham gia học tập học phần:**

- *Môn học tiên quyết:* Anh văn không chuyên
- *Môn học trước hoặc song song:*

○ **Học phần thuộc khối kiến thức:**

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>						Các môn bồi trợ <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- *Lần thứ:* 2

- *Ngày hiệu chỉnh:* 23/5/2018

- *Lý do và nội dung hiệu chỉnh:*

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 2018)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Qui định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Môn học này cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về anh văn nói chung và và kiến thức nhất định các thuật ngữ chuyên ngành thủy sản, các nguyên tắc và ứng dụng của thuật ngữ anh văn chuyên ngành thủy sản. Học được thêm một số từ vựng chuyên ngành phục vụ trong nghiên cứu khoa học và kỹ năng đọc hiểu các bài báo khoa học tiếng Anh chuyên ngành. Viết một đoạn văn ngắn có độ dài từ 100 – 120 từ về các chủ đề chuyên môn,

IV. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* Mục tiêu:

- *Học phần nhằm trang bị cho sinh viên:* các kiến thức về xây dựng vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trên các lĩnh vực thuộc ngành nuôi trồng thuỷ sản, phương pháp đọc, viết, thuyết trình các chủ đề về nuôi trồng thuỷ sản bằng tiếng Anh; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng: giao tiếp và xử lý tình huống trong giao tiếp, kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành thủy sản, viết văn bản khoa học bằng tiếng Anh chuyên ngành và thuyết trình một bài báo cáo khoa học và giáo dục sinh viên thái độ nhận thức đúng đắn về vai trò và trách nhiệm của bản thân trong môn học này, sinh viên tự tin giao tiếp bằng tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành.

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTDT										
	AVCN	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11
		H	N	N	N	S	S	H	N	N	N	S

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTDT theo mức độ sau: (Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix : Sứ đóng góp của mỗi học phần cho ELOs của CTDT).

N (Non support): No contributions to outcomes

S (Support): Contribution to outcomes

H (Highly support): Contribute more to outcomes

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTDT
Kiến thức		
CELO 1	Áp dụng vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trên các lĩnh vực thuộc ngành nuôi trồng thuỷ sản để có thể nói, viết, đọc hiểu, nghe hiểu bằng tiếng Anh.	ELO 1
Kỹ năng		
CELO 2	Vận dụng các nguyên tắc và ứng dụng của thuật ngữ anh văn chuyên ngành thủy sản để viết văn bản khoa học bằng tiếng Anh chuyên ngành và thuyết trình một bài báo cáo khoa học	ELO5
CELO 3	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc cặp, nhóm, kỹ năng lắng nghe người khác.	ELO 6

CELO 4	Giao tiếp tiếng Anh cơ bản về chủ đề chuyên môn gần gũi, quen thuộc (nói, viết, đọc hiểu và nghe hiểu)	ELO7
Thái độ		
CELO 5	Ý thức tự học, tự nâng cao trình độ tiếng Anh chuyên ngành để tiếp tục ở bậc học cao hơn.	ELO11

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng kết hợp trình chiếu video
- Thảo luận theo cặp/nhóm

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, đặt câu hỏi xoay quanh chủ đề
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm
- Báo cáo thuyết trình

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% cho phần lý thuyết và 80% cho phần thực hành.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc textbook, các bài báo khoa học liên quan do giảng viên cung cấp; làm các bài tập nhỏ tại lớp.
- Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi, trao đổi, cầu thị.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Trọng số

Đánh giá quá trình: 50% Thi cuối kỳ: 50%: Điểm quá trình

VIII. Nội dung môn học

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: xây dựng vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trên các lĩnh vực thuộc ngành nuôi trồng thuỷ sản, phương pháp đọc, viết, thuyết trình các chủ đề về nuôi trồng thuỷ sản bằng tiếng Anh.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng trình bày trước đám đông.

Phương pháp đánh giá

Chương/Bài	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Bài 1: Giới thiệu về môn học. Kiểm tra trình độ Anh văn của học viên	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm Nói Viết	Tìm hiểu chung về môn học Câu hỏi thảo luận: Tầm quan trọng của anh văn chuyên ngành Thủy sản
Bài 2: Nhận biết những thuật ngữ chuyên ngành Thủy sản	CELO1 CELO2 CELO3	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Nói	Liệt kê một số từ tiếng anh mà bạn cho là từ chuyên ngành

	CELO4 CELO5		
Bài 3: Thuật ngữ chuyên ngành về cá và hệ thống nuôi cá	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân Đọc Nói	Đọc mẫu tin và xác định nội dung chính, trả lời các câu hỏi tương thích: Tìm hiểu những nội dung, từ vựng có cá và hệ thống nuôi cá
Bài 4: Thuật ngữ chuyên ngành về giáp xác và hệ thống nuôi	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Nghe Viết Nói	Tìm hiểu những nội dung, từ vựng về nhuyễn thể và hệ thống nuôi nhuyễn thể Câu hỏi thảo luận: Nêu rõ các mô hình nuôi giáp xác và cách sử dụng chính xác các thuật ngữ anh văn cho các mô hình khác nhau
Bài 5: Thuật ngữ chuyên ngành về nhuyễn thể và hệ thống nuôi	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Đọc Nói	Nêu rõ các mô hình nuôi nhuyễn thể và cách sử dụng chính xác các thuật ngữ anh văn cho các mô hình khác nhau
Bài 6: Bệnh học trong nuôi trồng thủy sản	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Nghe Nói	Nắm bắt được thuật ngữ liên quan đến các loại bệnh, từ vựng về bệnh học trong chuyên ngành Thủy sản
Bài 7: Môi trường trong nuôi trồng thủy sản	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Đọc Nói	Nêu các thuật ngữ liên quan đến các thuật ngữ về môi trường trong NTTs
Bài 8: Bài báo khoa học chuyên ngành thủy sản	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Nghe Nói	Xác định cấu trúc và các dạng trong cách viết bài báo khoa học bằng tiếng Anh
Bài 9: Phân tích bài báo khoa học	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Nói Viết Đọc	Xác định cấu trúc và phân loại bài báo khoa học. So sánh sự khác nhau giữa bài báo khoa học tiếng Anh và tiếng Việt
Bài 10: Đánh giá thảo luận về abstract của bài báo KH	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Báo cáo thuyết trình	Trình bày, đánh giá các phần cấu tạo trong abstract

Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần

Các KQHTMĐ của HP	Câu hỏi ngắn (20%)	Thuyết trình (30 %)	Thi cuối kỳ (50 %)
CELO1	X	X	X
CELO2	X	X	X
CELO3	X	X	X
CELO4	X	X	X
CELO5	X	X	X

IX. Nội dung chi tiết của học phần

A. Phần lý thuyết + thực hành (12 tuần)

Tuần	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của học phần
1	Bài 1: Giới thiệu về môn học. Kiểm tra trình độ Anh văn của học viên	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
2	Bài 2: Nhận biết những thuật ngữ chuyên ngành Thủy sản	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
3	Bài 3: Thuật ngữ chuyên ngành về cá và hệ thống nuôi cá	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
4	Bài 4: Thuật ngữ chuyên ngành về giáp xác và hệ thống nuôi	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
5	Bài 5: Thuật ngữ chuyên ngành về nhuyễn thể và hệ thống nuôi	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
6	Bài 6: Bệnh học trong nuôi trồng thủy sản	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
7	Bài 7: Môi trường trong nuôi trồng thủy sản	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
8,9	Bài 8: Bài báo khoa học chuyên ngành thủy sản	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
10	Bài 9: Phân tích bài báo khoa học	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
11,12	Bài 10: Đánh giá thảo luận về abstract của bài báo KH	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5

X. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

1. Từ điển Việt-Anh, Anh-Việt, Longman Intl
2. Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh Phương, 2004. Từ điển chuyên ngành NTTS, NXB Nông Nghiệp.

3. Trần Thị Ngọc Bích. 2014. Tài liệu Anh văn chuyên ngành Thủy sản. Trường Đại học Trà Vinh.

- Sách tham khảo

1. Tạp chí khoa học nghề cá sông Mêkong, nhiều tác giả, 2006, Đại học Cần Thơ
2. Tạp chí khoa học nghề cá sông Mêkong, nhiều tác giả, 2008, Đại học Cần Thơ
3. English Grammar in Use, Raymond Murphy, 2004, Cambridge Press
4. Tạp chí khoa học nghề cá sông Mêkong, nhiều tác giả, 2008, Đại học Cần Thơ
5. Rural development: putting the last first, Robert Chambers, 1990, Longman Intl
6. Từ điển thuật ngữ NTTs của FAO, 2008

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: phòng học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, máy chiếu

Trà Vinh, ngày 5. tháng 8. năm 2018

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Kí và ghi rõ họ tên)

b
Hàm Khoa

P. TRƯỜNG BỘ MÔN

(Kí và ghi rõ họ tên)

Trịnh
Nguyễn Thị Hằng Nhì

TRƯỜNG KHOA

(Kí và ghi rõ họ tên)



Lâm Khái Hùng

PHỤ LỤC

KHOA NÔNG NGHIỆP – THỦY SẢN

BỘ MÔN THỦY SẢN

LỚP:

MÃ LỚP:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

1. Họ và tên (giảng viên đánh giá):
2. Chức danh, học vị:
3. Đơn vị công tác:
4. Họ và tên sinh viên thực hiện:
5. Môn học:
6. Địa điểm thực hiện:
7. Thời gian đánh giá:.....

Rubric 1: Đánh giá CÂU HỎI NGẮN

Tiêu chí	Điểm số (Thang điểm 10)	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Kém
		100%	75%	50%	0%
Chất lượng câu hỏi	4	Sáng tạo, phù hợp	Phù hợp	Có khi phù hợp, có khi chưa phù hợp	Không phù hợp
Chất lượng đóng góp ý kiến	4	Phân tích, đánh giá đầy đủ, đúng và logic	Phân tích, đánh giá đúng nhưng chưa đầy đủ và logic	Phân tích, đánh giá logic nhưng chưa đủ	Phân tích, đánh giá lạc đề
Mức độ tham gia	2	>6 lượt	4-6 lượt	1-3 lượt	Không tham gia

Rubric 2: Đánh giá THUYẾT TRÌNH

Tiêu chí	Điểm số (Thang điểm 10)	Mức chất lượng			
		Tốt	Khá	Trung bình	Kém
		100%	75%	50%	0%
Tham dự lớp	1	Tích cực tham gia các hoạt động	Thường xuyên tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động
	1	Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi >3 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình	Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi >2 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình	Tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi >1 lần trong các buổi báo cáo thuyết trình	Không tham gia đặt câu hỏi và phản biện câu hỏi trong các buổi báo cáo thuyết trình
Nội dung	1	Phong phú (Đầy đủ nội dung, hình ảnh đẹp và phù hợp nội dung, có video minh họa, logic, lôi cuốn người nghe)	Đầy đủ (đầy đủ nội dung, hình ảnh phù hợp, có video)	Khá đầy đủ (thiếu 1 nội dung quan trọng)	Chưa đầy đủ (Thiếu nhiều nội dung quan trọng)
Hình thức	1	Đẹp (video rõ, hình ảnh sắc nét, slide hài hòa, nhiều sơ đồ, bảng biểu thu hút ánh nhìn)	Hài hòa (slide hài hòa, có hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu thu hút ánh nhìn)	Rõ ràng (rõ ràng về font chữ, thiếu hình ảnh, bảng biểu)	Chưa đẹp (nhiều font chữ, nhiều chữ trên 1 slide, không thu hút ánh nhìn)
Trình bày báo cáo	1	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng
	2	Lập luận khoa học và logic	Lập luận khá khoa học và logic, còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có dựa vào căn cứ khoa học nhưng còn một sai sót quan trọng	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic
Tương tác với người nghe	1	Tương tác tốt (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị)	Tương tác khá tốt (cử chỉ, ánh mắt, 1 vài sai sót về thái độ cầu thị)	Tương tác ít (cử chỉ, ánh mắt, thái độ cầu thị)	Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác
	1	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi quan trọng	Trả lời khá thỏa đáng đa số câu hỏi quan trọng	Trả lời tương đối thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng, còn nhiều câu chưa trả lời được	Trả lời sai tất cả các câu hỏi quan trọng
* Sự phối hợp trong nhóm	1	Nhóm phối hợp tốt	Nhóm phối hợp khá tốt	Nhóm có phối hợp nhưng chưa tốt	Không thể hiện sự phối hợp